

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 349/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22/9/2020

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Kim Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/- Ông Trần Minh Triền

2/- Ông Mai Hòa Phúc

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hoài Thương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Mỹ Phương– Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2020/TLST–HNGĐ ngày 06 tháng 05 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Đ, sinh năm 1987 (có mặt).

Nơi cư trú: Tổ A, Ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Thảo E, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ A, Ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai ngày 16/3/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Phạm Thị Đ trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh E do quen biết và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2007 và đăng ký kết hôn ngày 01/12/2010 tại UBND xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh E hay cờ bạc, vợ chồng bất đồng quan Đ trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn như trước. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng hơn một năm nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn

nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Thảo E.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Phạm Như I, sinh ngày 24/12/2007 và Nguyễn Phạm Thành T, sinh ngày 27/7/2010, hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh E cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

*Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 04/6/2020 bị đơn anh Nguyễn Văn E trình bày:*

Về hôn nhân: Anh thống nhất với nội dung trình bày của chị Đ về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường bất đồng quan Đ trong cuộc sống. Anh vẫn còn tình cảm với chị Đ nên không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Phạm Như I, sinh ngày 24/12/2007 và Nguyễn Phạm Thành T, sinh ngày 27/7/2010. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dưỡng 02 con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Tại giai đoạn sơ thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự và tuân thủ đúng quy định pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Đ, cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Thảo Em; Chị Đ được tiếp tục nuôi con chung, anh E không phải cấp dưỡng; Chị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn E là bị đơn trong vụ kiện đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn Thảo E.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Đ và anh Nguyễn Văn E kết hôn với nhau vào năm 2007, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 01/12/2010 tại UBND xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Do vậy, hôn nhân của anh, chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét về mối quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Đ và anh E chung sống hạnh phúc không lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Đ trình bày là do bất đồng quan Đ trong cuộc sống, anh E hay cò bạc và vợ chồng ly thân hơn 1 năm nay. Về phía anh E cũng cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường bất đồng quan Đ trong cuộc sống và đã sống ly thân khoản hơn 1 năm nay, do còn tình cảm với vợ nên không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng được đoàn tụ. Song, suốt thời gian ly thân anh cũng không có tạo điều kiện để hàn gắn lại quan hệ tình cảm; tại phiên tòa chị Đ cương quyết xin được ly hôn. Qua xác minh mâu thuẫn khả năng hàn gắn là không có, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Đ và anh E có 02 con chung tên Nguyễn Phạm Như I, sinh ngày 24/12/2007 và Nguyễn Phạm Thành T, sinh ngày 27/7/2010, chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Xét thấy từ khi ly thân đến nay 2 cháu sống với chị Đ cuộc sống đã tạm ổn định, tại văn bản ngày 01/9/2020 cả 2 cháu đều có nguyện vọng được sống với mẹ. Xét nghĩ không nên làm xáo trộn cuộc sống bình thường của các cháu nên để chị Đ được tiếp tục nuôi dưỡng 2 con chung là hoàn toàn phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Đ không yêu cầu anh E cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Phạm Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

- **Về hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Đ.

Chị Phạm Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn Thảo E. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 230/2010 ngày 01/12/2010 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, Tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- **Về con chung:** Chị Phạm Thị Đ được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Phạm Như I, sinh ngày 24/12/2007 và Nguyễn Phạm Thành T, sinh

ngày 27/7/2010. Anh Nguyễn Văn E không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền tới lui thăm con chung cho anh Thảo E.

- **Về án phí:** Chị Phạm Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006864 ngày 06/05/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Chị Phạm Thị Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Văn E được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện Châu Thành;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Phan Thị Kim Hoa**